



# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH DU LỊCH CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC THUỘC KHU VỰC MIỀN TRUNG SAU TÁC ĐỘNG CỦA COVID - 19

Lê Thái Phương\*

Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, 566 Núi Thành, Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: Lê Thái Phương <phuonglt@dau.edu.vn>  
(Ngày nhận bài: 5-10-2020; Ngày chấp nhận đăng: 5-4-2021)

**Tóm tắt.** Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (COVID - 19) đã gây ra thiệt hại to lớn cho nền kinh tế và làm suy giảm tốc độ tăng trưởng của nhiều ngành, trong đó phải kể đến ngành du lịch. Điều này cũng tác động đến quyết định chọn ngành của người học đối với ngành du lịch. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên đại học thuộc khu vực miền Trung sau tác động của COVID - 19. Nghiên cứu kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng qua khảo sát 600 sinh viên chuẩn bị nhập học bậc đại học các chuyên ngành du lịch tại khu vực miền Trung. Kết quả cho thấy có năm nhân tố tác động đến quyết định chọn ngành du lịch là sự phù hợp với đặc điểm cá nhân, cơ hội nghề nghiệp, danh tiếng của trường, nhóm tham khảo và sự hấp dẫn từ chương trình học. Bên cạnh đó, nhận định của sinh viên về ngành du lịch sau Covid tác động điều tiết lên các mối quan hệ này. Từ kết quả phân tích, một số hàm ý nghiên cứu liên quan đến hoạt động định hướng nghề nghiệp, truyền thông và đào tạo đối với ngành du lịch đã được thảo luận.

**Từ khóa:** quyết định chọn ngành, ngành du lịch, COVID - 19

## Factors affecting the decision to choose the tourism major of university students under the central region after the impacts of COVID - 19

Le Thai Phuong\*

Da Nang Architecture University, 566 Nui Thanh, Hai Chau, Da Nang, Vietnam

\* Correspondence to Le Thai Phuong <phuonglt@dau.edu.vn>  
(Received: October 05, 2020; Accepted: April 05, 2021)

**Abstract.** The epidemic of acute respiratory infections caused by a new strain of the coronavirus (COVID - 19) has caused great damage to the economy and reduced the growth rate of many industries, including the tourism industry. This also affects the decision to choose the tourism majors of learners. This study is conducted to determine the factors affecting the decision to choose the tourism major of university students in the Central region after COVID - 19. The study combines qualitative research methods and quantitative research through surveying 600 students preparing for tourism university admissions in the Central region. The results show that 5 factors influence a student's decision to choose tourism majors: relevance to personal characteristics, career opportunities, school reputation, reference groups, and the attractiveness of the learning program. Besides, students' perceptions of the tourism industry after COVID - 19 have a moderating impact on these relationships. Some research implications related to career orientation, communication, and training activities for the tourism industry were discussed from the analysis results.

**Keywords:** the decision to choose the tourism majors, tourism industry, COVID - 19

## 1 Đặt vấn đề

Lựa chọn ngành nghề của mỗi người có vai trò rất quan trọng. Nó là yếu tố mang tính quyết định cho sự thành công trong tương lai. Nếu chọn sai nghề, người lao động sẽ không phát huy được hết năng lực của bản thân và giảm dần động lực làm việc. Tuy nhiên, không phải ai cũng xác định được nghề nghiệp phù hợp với mình. Những câu hỏi lớn được đặt ra là sinh viên đã chọn ngành nghề cho mình như thế nào? Họ dựa vào đâu để chọn ngành học cho mình? Ngoài ra, trong bối cảnh COVID - 19, lao động ngành du lịch đã và đang chịu tác động rất lớn. Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tính đến tháng 9 năm 2020, tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng trong dịch vụ lưu trú và ăn uống là 81,7%, vui chơi và giải trí là 88,6% [1].

Chính vì vậy, nghiên cứu này đã thực hiện khảo sát sinh viên chuẩn bị nhập học ngành du lịch nhằm xác định hai vấn đề. Thứ nhất là những nhân tố nào đã tác động đến quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên. Thứ hai là sự ảnh hưởng của đại dịch COVID - 19 đến quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên. Qua đó, giúp các trường phổ thông hay các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức hỗ trợ cho học sinh, sinh viên cũng như thầy cô, gia đình, bố mẹ có biện pháp thiết thực nhằm định hướng và tạo điều kiện tốt nhất trong việc lựa chọn ngành học cho các em.

## 2 Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

Hiện nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành của sinh viên trong các lĩnh vực khác nhau, từ kinh tế đến kỹ thuật, công nghệ. Trong đó, nghiên cứu của Beyon và cs. cho rằng, có ba nhóm nhân tố ảnh hưởng là nhân tố bên trong

(sở thích cá nhân đối với ngành nghề, sự hài lòng của cá nhân trong công việc), nhân tố bên ngoài (cơ hội việc làm, mức lương), nhóm tham khảo (cha mẹ, bạn bè, giáo viên v.v.) [2].

Borchert đã đưa ra ba nhóm nhân tố chính tác động đến quyết định chọn ngành là môi trường, cơ hội và tính cách cá nhân [3]. Môi trường bao gồm sự tác động của gia đình, tình hình chính trị, xã hội và kinh tế. Cơ hội được hiểu là năng lực tài chính, mức thu nhập của gia đình để đảm bảo sinh viên có thể theo học ngành đó. Tính cách cá nhân là cách tư duy, thái độ và quan điểm cũng như hành vi của sinh viên để tạo ra động cơ trong quyết định chọn ngành.

Bên cạnh đó, Abbasi và Sarwat cũng đã nghiên cứu về quyết định chọn ngành của 5 ngành trọng điểm tại Pakistan là y tế, quản lý, nông nghiệp, kỹ thuật và dược [4]. Kết quả cho thấy khi đưa ra quyết định chọn ngành, sinh viên thường xem xét các nhân tố như cơ hội phát triển, sự hấp dẫn của ngành nghề, sự truyền cảm hứng từ xã hội, niềm tin vào ngành nghề và một số yếu tố liên quan đến công việc. Trong các nhân tố đó thì sự truyền cảm hứng từ xã hội có tác động lớn nhất. Sinh viên Pakistan thường ít chịu ảnh hưởng bởi định hướng của cha mẹ, anh chị em, bạn bè, thầy cô v.v. Họ thường cân nhắc kỹ đến các mối quan hệ giữa bản thân và xã hội trước khi ra quyết định chọn ngành nghề.

Theo Mirza và cs., có 6 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành của sinh viên, gồm: nền tảng giáo dục, nền tảng kinh tế - xã hội, môi trường, tính cách, cơ hội phát triển và động lực. Trong đó, động lực là yếu tố tác động lớn nhất trong việc lựa chọn ngành học [5].

Theo Bikse, yếu tố cần thiết nhất để một sinh viên chọn ngành là hiểu rõ sở thích và khám phá năng lực của bản thân [6]. Vì vậy, trước khi chọn ngành nghề, điều quan trọng đầu tiên là sở thích đối với ngành hoặc sự kết hợp giữa sở thích, mong muốn với khả năng, kỹ năng của cá nhân đối với ngành nghề. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng cho rằng kinh nghiệm học tập và lời khuyên của cha mẹ cũng ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành của sinh viên.

Phan Thị Thanh Thủy và cs. đã nghiên cứu về quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế [7]. Kết quả cho thấy có bảy nhóm nhân tố ảnh hưởng bao gồm: nhóm tham khảo, sự phù hợp với sở thích, năng lực cá nhân, danh tiếng của chương trình, lợi ích học tập, cơ hội nghề nghiệp, chi phí học tập, hoạt động truyền thông của trường. Trong đó, những yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định của sinh viên là cơ hội du học, cơ hội học tập trong môi trường ngoại ngữ, được học với giảng viên nước ngoài và cơ hội việc làm.

## 2.2 Mô hình

### Mô hình đề xuất

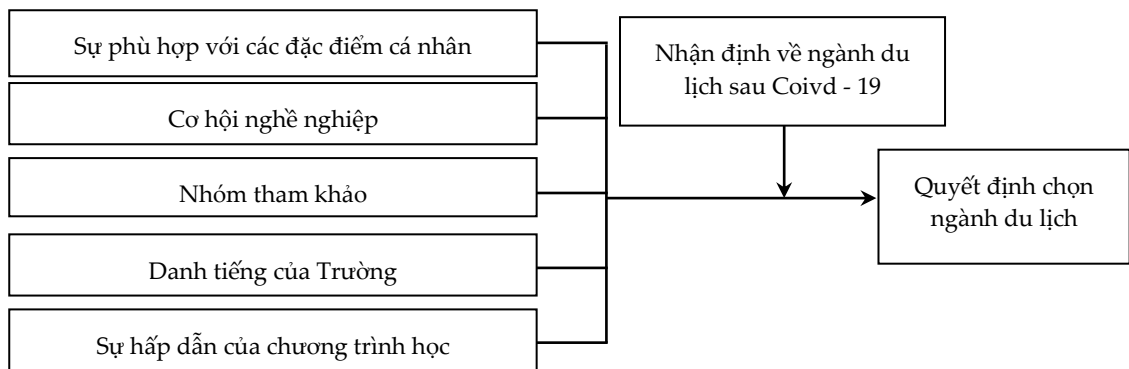
Qua các kết quả nghiên cứu trong nước và nước ngoài có thể thấy sự phù hợp với sở thích

và năng lực của cá nhân được nhiều tác giả đề cập, sau đó là tác động của nhóm tham khảo (gia đình, bạn bè, thầy cô v.v.), cơ hội nghề nghiệp, sự danh tiếng của Trường hoặc ngành.

Du lịch với những đặc điểm riêng biệt nên sẽ có những nhân tố đặc trưng tác động đến quyết định chọn ngành của sinh viên. Ngoài ra, Việt Nam vừa trải qua 2 đợt tác động của COVID - 19, cả nền kinh tế và xã hội đều bị ảnh hưởng, đặc biệt là lao động trong ngành du lịch. Do đó, quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên sẽ bị ảnh hưởng. Sinh viên sẽ cân nhắc nhiều hơn đối với quyết định chọn ngành của mình, có thể không hài lòng với ngành đã chọn. Chính vì vậy, tác giả thực hiện phỏng vấn chuyên gia nhằm tham khảo và khám phá các nhân tố tác động đến quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên trong bối cảnh COVID - 19.

Tất cả 12 chuyên gia tham gia phỏng vấn đều đồng ý với các nhân tố tác động đến quyết định chọn ngành của sinh viên là: Sự phù hợp với đặc điểm cá nhân (sở thích và năng lực), nhóm tham khảo, cơ hội nghề nghiệp, danh tiếng của trường. Ngoài ra, đối với ngành du lịch, một nhân tố được các chuyên gia quan tâm đó là sự hấp dẫn của chương trình học bao gồm sự hấp dẫn từ các môn học, chương trình học tiếng Anh, các chuyến tham quan du lịch, các hoạt động ngoại khóa. Các chuyên gia cũng cho rằng nhận định của người học về ngành du lịch sau COVID - 19 là một biến đổi tiết đối với mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng và quyết định chọn ngành du lịch của họ. Nếu người học có cách nhìn khả quan về tình hình du lịch trong tương lai sau tác động của COVID - 19 thì sẽ có động lực hơn trong quyết định chọn ngành du lịch. Ngược lại, nếu người học nhận định không tốt về ngành du lịch do COVID - 19 thì sẽ e ngại hơn trong quyết định chọn ngành du lịch.

Từ các kết quả phân tích trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên đại học thuộc khu vực miền Trung sau COVID - 19 như sau:



**Hình 1.** Mô hình nghiên cứu đề xuất

## Giả thuyết nghiên cứu

Dựa vào mô hình nghiên cứu đề xuất, các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra như sau:

**Bảng 1.** Các giả thuyết

Giả thuyết	Mô tả giả thuyết
H <sub>1</sub>	Sự phù hợp với đặc điểm cá nhân (DDCN) tác động cùng chiều lên quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (QDCN).
H <sub>2</sub>	Cơ hội nghề nghiệp (CHNN) tác động cùng chiều lên quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (QDCN).
H <sub>3</sub>	Nhóm tham khảo (NTK) tác động cùng chiều lên quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (QDCN).
H <sub>4</sub>	Danh tiếng của Trường (DT) tác động cùng chiều lên quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (QDCN).
H <sub>5</sub>	Sự hấp dẫn của chương trình học (CTH) tác động cùng chiều lên quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (QDCN).
H <sub>6</sub>	Nhận định của sinh viên về ngành du lịch sau COVID - 19 (COVID) có tác động điều tiết lên mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng và quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (QDCN).

## Thang đo

Các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này hầu hết là các thang đo đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước, nếu là thang đo tiếng Anh thì được dịch sang tiếng Việt và hiệu chỉnh để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Ngoài ra, với đặc điểm của ngành du lịch và trong bối cảnh tác động của COVID - 19, tác giả đã tự phát triển thêm một số thang đo dựa trên kết quả phỏng vấn chuyên gia. Thang đo Likert năm mức độ từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý) được sử dụng trong nghiên cứu này. Cụ thể thang đo các biến trong mô hình nghiên cứu thể hiện ở Bảng 2.

**Bảng 2.** Thang đo các biến trong mô hình

Thang đo	Ký hiệu	Hạng mục câu hỏi	Nguồn
Sự phù hợp với đặc điểm cá nhân	DDCN1	Phù hợp với sở thích, đam mê	Chapman [8]
	DDCN2	Phù hợp với điểm đầu vào	Chapman [8]
	DDCN3	Phù hợp với khả năng tiếng Anh	Phan Thị Thanh Thủy và cs. [7]
	DDCN4	Phù hợp với thể trạng sức khỏe	Tự đề xuất

Thang đo	Ký hiệu	Hạng mục câu hỏi	Nguồn
Cơ hội nghề nghiệp	DDCN5	Phù hợp với tính cách	
	CHNN1	Dễ tìm kiếm việc làm sau khi ra trường	
	CHNN2	Thu nhập cao sau khi tốt nghiệp	Abbasi và Sarwat [4]
	CHNN3	Cơ hội thăng tiến trong công việc cao	
	CHNN4	Nhiều vị trí công việc sau khi ra trường	Phan Thị Thanh Thủy và cs. [7]
	CHNN5	Môi trường làm việc năng động	Tự đề xuất
	CHNN6	Dễ tìm việc làm thêm trong khi học	
Nhóm tham khảo	NTK1	Cha/mẹ, anh/chị trong gia đình tư vấn	
	NTK2	Bà con họ hàng tư vấn	
	NTK3	Thầy cô tư vấn	Phan Thị Thanh Thủy và cs. [7]
	NTK4	Những sinh viên đã và đang học ngành du lịch tư vấn	
	NTK5	Các trường đại học tư vấn	
Danh tiếng của Trường	DT1	Chất lượng đào tạo ngành du lịch của Trường cao	
	DT2	Đánh giá của đơn vị tuyển dụng đối với ngành du lịch của trường cao	Phan Thị Thanh Thủy và cs. [7]
	DT3	Đánh giá của sinh viên đối với ngành du lịch của Trường cao	
	DT4	Trường có nhiều thành quả trong việc đào tạo ngành du lịch	
Sức hấp dẫn của chương trình học	CTH1	Chương trình đào tạo hấp dẫn	
	CTH2	Có cơ hội để học ngoại ngữ	Phan Thị Thanh Thủy và cs. [7]
	CTH3	Được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa	
	CTH4	Có cơ hội để được tham quan, du lịch	Tự đề xuất
Nhận định về ngành du lịch sau Covid – 19	COVID1	Khả năng kiểm soát COVID - 19 của Việt Nam rất tốt	
	COVID2	COVID - 19 chỉ ảnh hưởng đến ngành du lịch trong ngắn hạn	Tự đề xuất

Thang đo	Ký hiệu	Hạng mục câu hỏi	Nguồn
	COVID3	Ngành du lịch sẽ được phục hồi tốt sau covid 19	
	QDCN1	Tin tưởng vào quyết định chọn ngành Du lịch	
Quyết định chọn ngành du lịch	QDCN2	Quyết định chọn ngành Du lịch là đúng đắn	Kathleen [9]
	QDCN3	Hài lòng với quyết định chọn ngành Du lịch	
	QDCN4	Kiên quyết theo học ngành Du lịch	

Nguồn: Tự tổng hợp của nhóm nghiên cứu

### 3 Mẫu điều tra và phương pháp phân tích số liệu

#### 3.1 Mẫu điều tra

Dựa theo nghiên cứu của Hair, Anderson, Tatham và Black, đối với phân tích nhân tố khám phá EFA, kích thước mẫu tối thiểu là gấp năm lần tổng số biến quan sát [10]. Đề tài nghiên cứu này có 31 biến quan sát tương đương với kích thước mẫu tối thiểu là 155 mẫu.

Theo Tabachnick và Fidell, đối với phân tích hồi quy đa biến, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức là  $n = 50 + 8 \times m$  (với  $m$ : số biến độc lập) [11]. Đề tài này có 5 biến độc lập. Như vậy, kích thước mẫu tối thiểu là 90 mẫu.

Phạm vi không gian của đề tài lớn nên kích thước mẫu tác giả sử dụng là 600 mẫu để kết quả có độ tin cậy và tính đại diện cao. Mẫu được thu thập đối với sinh viên chuẩn bị nhập học ngành du lịch năm học 2020–2021 bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Bảng câu hỏi được phát trực tiếp cho sinh viên khi nhập học ngành du lịch tại các Trường đại học trong khu vực miền Trung. Số lượng bảng câu hỏi phát ra là 650, tác giả đã sàng lọc được 600 mẫu đạt điều kiện để phân tích. Đặc điểm mẫu được trình bày ở Bảng 3.

**Bảng 3.** Đặc điểm mẫu nghiên cứu

	Đặc điểm mẫu điều tra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	220	36,7
	Nữ	380	63,3
Trường đại học	Đại học Vinh	25	4,2
	Đại học Quảng Bình	18	3,0

	Đặc điểm mẫu điều tra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Đại học Huế	52	8,7
	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	64	10,7
	Đại học Duy Tân	132	22,0
	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	144	24,0
	Đại học Đông Á	134	22,3
	Đại học Nha Trang	31	5,2
Ngành học	Du lịch	92	15,3
	Quản trị du lịch - Lữ hành	198	33,0
	Quản trị du lịch - Khách sạn	231	38,5
	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	45	7,5
	Khác	34	5,7

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, tháng 9/2020

### 3.2 Phương pháp phân tích số liệu

Thang đo của các biến độc lập và phụ thuộc được đánh giá độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha. Biến quan sát có hệ số tương quan tổng biến nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo đạt độ tin cậy khi hệ số Cronbach Alpha lớn hơn 0,6 [12]. Các biến quan sát đạt yêu cầu sẽ được phân tích nhân tố khám phá để đo lường giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Các thành phần đạt yêu cầu khi hệ số KMO (Kaiser – Meyer – Olkin)  $\geq 0,50$ , mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett  $\leq 0,05$ ; tổng phương sai trích của từng thành phần  $\geq 50\%$ ; hệ số Eigenvalue có giá trị  $\geq 1$ .

Đối với phương pháp hồi quy đa biến, nghiên cứu sử dụng kiểm định F trong bảng ANOVA để kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình (khi Sig.  $< 0,05$  thì mô hình hồi quy phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được); sử dụng hệ số phóng đại VIF để kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến (VIF  $< 10$ ) và hệ số Durbin-Watson để kiểm tra hiện tượng tự tương quan [13].

## 4 Kết quả

### 4.1 Đánh giá độ tin cậy thang đo

Biến quan sát "CHNN3 – Cơ hội thăng tiến trong công việc cao" có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,3. Đối với sinh viên mới nhập học, nhận thức về cơ hội thăng tiến trong ngành có thể chưa rõ ràng. Liên quan đến nghề nghiệp, sinh viên chủ yếu quan tâm đến sự phù hợp của



công việc đối với bản thân, khả năng tìm việc sau khi ra trường và thu nhập từ công việc. Chính vì vậy, biến quan sát CHNN3 bị loại khỏi mô hình.

Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các nhân tố sau khi loại CHNN3 (Bảng 4) cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo nằm trong khoảng từ 0,859 đến 0,927 và hệ số tương quan biến – tổng thấp nhất là 0,668. Như vậy, tất cả các nhân tố đều đạt yêu cầu về độ tin cậy thang đo để đưa vào phân tích nhân tố khám phá.

#### 4.2 Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố khám phá các biến độc lập (Bảng 5) cho thấy hệ số KMO = 0,830 và Sig. = 0,000. Kết quả phân tích rút ra được 5 nhân tố từ 27 biến quan sát với hệ số Eigenvalue = 2,735; phương sai trích đạt 71,977 % và hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5. Do đó, việc phân tích nhân tố là thích hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả phân tích nhân tố biến phụ thuộc cho thấy hệ số KMO = 0,835 và Sig. = 0,000, có 1 nhân tố được rút ra với hệ số Eigenvalue = 2,898; phương sai trích đạt 74,449%. Như vậy, biến phụ thuộc đảm bảo yêu cầu phân tích.

**Bảng 4.** Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo

TT	Thang đo	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng thấp nhất
1	DDCN - Sự phù hợp với đặc điểm cá nhân	5	0,927	0,743
2	CHNN - Cơ hội nghề nghiệp	5	0,893	0,723
3	NTK - Nhóm tham khảo	5	0,872	0,668
4	DT - Danh tiếng của Trường	4	0,888	0,722
5	CTH - Sự hấp dẫn của chương trình học	4	0,859	0,685
6	COVID - Nhận định về ngành du lịch sau COVID - 19	3	0,916	0,816
7	QDCN - Quyết định chọn ngành du lịch	4	0,873	0,712

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, tháng 9/2020

**Bảng 5.** Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Mã hóa	Thang đo Giải thích	Nhân tố				
		DDCN	CNHH	NHT	DT	CTH
DDCN1	Phù hợp với sở thích, đam mê	0,852				
DDCN2	Phù hợp với điểm đầu vào	0,834				
DDCN3	Phù hợp với khả năng tiếng Anh	0,878				
DDCN4	Phù hợp với thể trạng sức khỏe	0,910				
DDCN5	Phù hợp với tính cách	0,921				
CHNN1	Dễ tìm kiếm việc làm sau khi ra trường		0,840			
CHNN2	Thu nhập cao sau khi tốt nghiệp		0,820			
CHNN4	Nhiều vị trí công việc sau khi ra trường		0,833			
CHNN5	Môi trường làm việc năng động		0,844			
CHNN6	Dễ tìm việc làm thêm trong khi học		0,833			
NTK1	Cha/mẹ, anh/chị trong gia đình tư vấn			0,788		
NTK2	Bà con họ hàng tư vấn			0,810		
NTK3	Thầy cô tư vấn			0,829		
NTK4	Những sinh viên đã và đang học ngành du lịch tư vấn			0,809		
NTK5	Các trường đại học tư vấn			0,825		
DT1	Chất lượng đào tạo ngành du lịch của Trường cao				0,857	
DT2	Đánh giá của đơn vị tuyển dụng đối với ngành du lịch của trường cao				0,865	
DT3	Đánh giá của sinh viên đối với ngành du lịch của Trường cao				0,842	
DT4	Trường có nhiều thành quả trong việc đào tạo ngành du lịch				0,889	
CTH1	Chương trình đào tạo hấp dẫn					0,829
CTH2	Có cơ hội để học ngoại ngữ					0,868
CTH3	Được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa					0,828
CTH4	Có cơ hội để được tham quan, du lịch					0,826
Điểm dừng Eigen		4,214	3,591	3,171	2,844	2,735
Mức độ giải thích của các nhân tố		18,323	15,612	13,789	12,363	11,889
Mức độ giải thích tích lũy (%)		18,323	33,936	47,725	60,088	71,977

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, tháng 9/2020

### 4.3 Phân tích hồi quy và kiểm định mô hình

Dựa vào kết quả phân tích hồi quy (Bảng 6), có thể thấy mô hình nghiên cứu là phù hợp, có khoảng 62,0% phương sai của quyết định chọn ngành được giải thích bởi 5 biến độc lập. Ngoài ra,  $F = 196,115$  với  $\text{sig.} = 0,000$  nên có thể bác bỏ giả thuyết cho rằng tất cả các hệ số hồi quy bằng 0, nghĩa là mô hình hồi quy phù hợp với dữ liệu nghiên cứu và có thể sử dụng tốt.

Thống kê Durbin Watson bằng 1,353 nằm trong đoạn 1,0 đến 3,0 vì vậy mô hình không có hiện tượng tự tương quan với mức ý nghĩa  $\alpha = 0,05$ .

Hệ số VIF nằm trong khoản 1,006 đến 1,025 < 5 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến hoặc hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra không đáng kể.

Tất cả các nhân tố DDCN, CHNN, NTH, DT và CTH đều có hệ số hồi quy ( $\beta$ ) lớn hơn 0 và  $\text{Sig.} < 0,05$  nên đạt điều kiện tham gia vào mô hình hồi quy và các giả thuyết  $H_1, H_2, H_3, H_4, H_5$  mà mô hình đưa ra đều được chấp nhận. Trong đó, thứ tự tác động của các nhân tố lên quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên (theo hệ số chuẩn hoá) là: (1) Sự phù hợp với đặc điểm cá nhân; (2) Cơ hội nghề nghiệp; (3) Danh tiếng của Trường; (4) Nhóm tham khảo; (5) Sự hấp dẫn từ chương trình học. Mô hình hồi quy tuyến tính theo hệ số hồi quy đã chuẩn hóa như sau:

$$\text{QDCN} = 0,405 \times \text{DDCN} + 0,380 \times \text{CHNN} + 0,298 \times \text{NTK} + 0,324 \times \text{DT} + 0,297 \times \text{CTH} + \varepsilon \quad (1)$$

**Bảng 6.** Kết quả phân tích hồi quy

Nhân tố	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (B)	Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa ( $\beta$ )	Giá trị kiểm định t	Mức ý nghĩa (sig.)	Hệ số phóng đại (VIF)
<b>Hệ số chặn</b>	-1,202		-7,641	0,000	
DDCN	0,270	0,405	15,995	0,000	1,010
CHNN	0,274	0,380	14,885	0,000	1,025
NTK	0,289	0,298	11,751	0,000	1,012
DT	0,263	0,324	12,804	0,000	1,010
CTH	0,270	0,297	11,737	0,000	1,006
<b>Giá trị kiểm định F</b>				196,115; Sig = 0.000	
<b>Giá trị kiểm định Durbin-Watson</b>				1,353	
<b>Hệ số xác định R<sup>2</sup></b>				0,623	
<b>Hệ số xác định R<sup>2</sup> hiệu chỉnh</b>				0,620	

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, tháng 9/2020

#### 4.4 Đánh giá tác động của biến điều tiết COVID - 19

Theo Valter da Silva Faia và Valter Afonso Vieira, phương pháp hồi quy thứ bậc được sử dụng để đánh giá tác động của biến điều tiết lên biến phụ thuộc của mô hình [14]. Bước 1, các biến độc lập được đưa vào mô hình. Bước 2, các biến độc lập và biến điều tiết được đưa vào mô hình. Bước 3: Các biến độc lập, biến điều tiết và tích của biến độc lập với biến điều tiết cùng được đưa vào mô hình.

Bảng 7 cho thấy, với tác động của biến điều tiết COVID - 19, hệ số  $R^2$  và  $R^2$  điều chỉnh đều được cải thiện đáng kể,  $R^2$  điều chỉnh đã tăng lên 24,2% (từ 62% lên 86,2%). Hệ số sig. của kiểm định F trong 3 bước đều nhỏ hơn 0 nên mô hình nghiên cứu với biến điều tiết - “Nhận định về ngành du lịch sau COVID - 19” là phù hợp và chưa có căn cứ để bác bỏ giả thuyết  $H_6$ .

Ngoài ra, hệ số hồi quy đã chuẩn hóa của biến CHNN và NTK ở bước 3 lớn hơn 0, giá trị sig. <0,05 nên có thể kết luận rằng nhận định về ngành du lịch sau COVID - 19 tác động cùng chiều đến mối quan hệ giữa nhân tố cơ hội nghề nghiệp và nhóm tham khảo đến quyết định chọn ngành du lịch. Hay nói cách khác, khi sinh viên có nhận định khả quan về ngành du lịch sau COVID - 19 thì tác động của cơ hội nghề nghiệp và nhóm tham khảo lên quyết định chọn ngành càng cao và ngược lại.

**Bảng 7.** Kết quả đánh giá tác động của biến điều tiết COVID - 19

Biến độc lập	Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa ( $\beta$ )			
	Bước 1	Bước 2	Bước 3	
<b>5 nhân tố tác động</b>	DDCN	0,405*	0,275*	0,287*
	CHNN	0,380*	0,271*	0,089**
	NTK	0,298*	0,209*	0,087
	DT	0,324*	0,219*	0,279*
	CHT	0,297*	0,206*	0,243*
<b>Biến điều tiết</b>	COVID		0,543*	0,352*
<b>Tác động điều tiết</b>	DDCN × COVID			-0,020
	CHNN × COVID			0,307*
	NTK × COVID			0,221*
	DT × COVID			-0,127
	CHT × COVID			-0,086
<b><math>R^2</math></b>	0,623	0,859	0,864	
<b><math>R^2</math> điều chỉnh</b>	0,620	0,857	0,862	
<b>Mức thay đổi <math>R^2</math> điều chỉnh</b>		0,237	0,005	

Chú thích: \*p <0,05, \*\*p <0,1

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, tháng 9/2020

## 5 Một số hàm ý

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên đại học thuộc khu vực miền Trung. Trong đó, sự phù hợp với đặc điểm cá nhân có tác động lớn nhất, sau đó lần lượt là: Cơ hội nghề nghiệp, danh tiếng của Trường, nhóm tham khảo, sự hấp dẫn từ chương trình học. Ngoài ra, nhận định của sinh viên về ngành du lịch sau COVID - 19 có vai trò điều tiết lên quyết định chọn ngành của sinh viên. Chính vì vậy, tác giả đề xuất một số định hướng nhằm hỗ trợ các em trong việc đưa ra quyết định chọn ngành như sau:

*Thứ nhất*, các trường trung học phổ thông nên quan tâm nhiều hơn trong việc định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh. Các em cần hiểu được vai trò của quyết định chọn ngành học. Ngoài ra, các em phải xác định đúng đam mê, sở thích của mình và xác định đúng năng lực, điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để so sánh với yêu cầu của ngành học. Một ngành học được lựa chọn phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm cá nhân của sinh viên, tức là phù hợp với đam mê, sở thích và năng lực của bản thân sinh viên.

*Thứ hai*, các trường đại học cần có những chính sách phù hợp trong hoạt động truyền thông và đào tạo.

Về hoạt động truyền thông, các em học sinh chịu tác động bởi nhiều nhóm tham khảo khác nhau, từ gia đình, bạn bè, thầy cô và cả các trường đại học. Với một lượng thông tin lớn và nhiều chiều, các em rất khó để định hướng rõ ràng cho bản thân. Chính vì vậy, những thông tin của các trường đại học cung cấp cho các em cần có độ chính xác cao, không nên phóng đại các thông tin phục vụ cho mục đích tuyển sinh dẫn đến sự thiếu hiểu sai lệch về ngành hay về trường đại học. Để nâng cao danh tiếng, các trường đại học cần phải nhận được sự đánh giá cao từ đơn vị tuyển dụng lao động, từ cựu sinh viên và cả đối với những sinh viên đang theo học tại trường. Cơ hội nghề nghiệp cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên. Do đó, cơ hội nghề nghiệp là một nội dung cần chú trọng nhấn mạnh trong công tác truyền thông. Tuy nhiên, đây cũng là điều bất lợi cho ngành du lịch trong bối cảnh tác động của COVID - 19. Sinh viên cần nhận ra khả năng kiểm soát COVID - 19 của Việt Nam là rất tốt và ngành du lịch sẽ được phục hồi nhanh chóng sau COVID - 19.

Về hoạt động đào tạo, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên chọn ngành du lịch một phần là do sức hấp dẫn từ chương trình học và các hoạt động trong quá trình học tập. Chương trình học của ngành du lịch càng sát với thực tế thì sẽ càng hấp dẫn sinh viên. Do đó, các trường đại học cần tăng cường hàm lượng thực hành trong chương trình học và các hoạt động ngoại khóa để sinh viên phát triển được kỹ năng nghề và các kỹ năng mềm cần thiết.

*Thứ ba*, nhóm tham khảo tác động rất lớn đến quyết định chọn ngành của các em, đặc biệt là gia đình. Gia đình nên hỗ trợ các em trong việc định hướng nghề nghiệp bởi các em có thể bị

hoang mang trước rất nhiều ngành học và các em chưa đủ kinh nghiệm, kiến thức để đưa ra quyết định. Tuy nhiên, các bậc phụ huynh không nên ép buộc các em chọn ngành theo ý muốn của gia đình. Các em phải có tình yêu đối với ngành học và có đủ năng lực thì quyết định chọn ngành mới đúng đắn.

*Cuối cùng*, trong bối cảnh tác động của COVID - 19, quyết định chọn ngành du lịch được các em cân nhắc kỹ càng hơn. Trước khi đại dịch xảy ra, du lịch Việt Nam liên tục tăng trưởng mạnh mỗi năm. COVID - 19 đã khiến nền kinh tế suy thoái và du lịch là một trong những ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Nhưng tính đến hiện tại, Việt Nam đã và đang thành công trong cuộc chiến chống COVID - 19. Các em nên tin tưởng khi cuộc sống trở lại guồng quay bình thường, du lịch sẽ phát triển mạnh mẽ.

## 6 Kết luận

Quyết định chọn ngành du lịch của sinh viên chịu tác động bởi sự phù hợp với đặc điểm cá nhân, cơ hội nghề nghiệp, danh tiếng của trường, nhóm tham khảo và sự hấp dẫn từ chương trình học. Tuy nhiên, với tác động của COVID - 19, mức độ ảnh hưởng của nhân tố cơ hội nghề nghiệp và nhóm tham khảo được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo nhận định của sinh viên về ngành du lịch sau COVID. Để các em học sinh có thể đưa ra quyết định chọn ngành phù hợp thì đòi hỏi sự quan tâm từ nhiều đối tượng, gồm các trường trung học phổ thông, trường đại học và đặc biệt là gia đình. Ngoài ra, du lịch đang là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID - 19. Với sự nỗ lực lớn, Việt Nam sẽ nhanh chóng chống lại đại dịch và ổn định nền kinh tế xã hội. Sau COVID - 19, nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại Việt Nam sẽ thiếu hụt nghiêm trọng do phần lớn nhân sự đã chuyển đổi công việc và thích nghi dần với công việc mới. Các em học sinh nên tin tưởng vào sự hồi phục của ngành du lịch và nghề du lịch nếu các em có niềm đam mê với nghề du lịch.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu này còn tồn tại một số hạn chế. Thứ nhất, phương pháp chọn mẫu thuận tiện là một kỹ thuật chọn mẫu phi xác suất mà các chủ thể được chọn phần lớn bởi vì chúng dễ dàng được tiếp cận bởi nhà nghiên cứu. Do đó, tính đại diện của mẫu chưa cao. Thứ hai, thời gian khảo sát ngắn và ngay sau khi dịch COVID - 19 vừa được kiểm soát nên người hỏi dễ bị ảnh hưởng lớn bởi tác động của dịch COVID - 19. Những nghiên cứu tiếp theo cho đề tài nên sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất và mở rộng thời gian khảo sát để kết quả có tính khái quát tốt hơn.

### Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục thống kê (2020), *Báo cáo tác động của dịch COVID - 19 đến tình hình lao động việc làm tại Việt Nam quý III/2020*, truy cập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-tai-viet-nam-quy-iii-2020/>.
2. Beyon, J., Kelleen, T., & Kishor, N. (1998), Do visible minority students of Chinese and South Asian ancestry want teaching as a career? Perceptions of some secondary school students in Vancouver, BC. *Canadian Ethnic Studies*, 30(2), 38–60.
3. Borchert, M. (2002), *Career choice factors of high school students*, A Research Paper. Retrieved from <http://www2.uwstout.edu/content/lib/thesis/2002/2002borchertm.pdf>.
4. Abbasi, M.N. , Sarwat, N. (2014), Factors inducing career choice: Comparative study of five leading professions in Pakistan, *Pakistan Journal of Commerce and Social Sciences*, 8(3), 830–845.
5. Mirza, N. S. ,et al. (2014), Determinants and Influences on Students' Career Choice, *Universal Journal of Management and Social Sciences*, 4(3), 9–30.
6. Bikse, V., et al. (2018), Comparative analysis of career choices by students in Latvia and the UK, *4th International Conference on Higher Education Advances (HEAd'18)*, Universitat Politècnica de Valencia.
7. Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa (2017), Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, *Tạp chí Khoa học-Đại học Huế*, 126(5A), 29–42.
8. Chapman, D. W (1981), A Model of Student College Choice, *Journal of Higher Education*, 52(5), 490–505.
9. Kathleen, M. G (1999), Making a "major" real life decision: College student choosing an Academic major, *Journal of Educational Psychology*, 91(2), 379–387.
10. Hair, J. F, Anderson, R.E., Tatham, R.L., and Black, W.C. (2006), *Multivariate data analysis*, Prentice-Hall, International, Inc.
11. Tabachnick, B. G. ,Fidell, L. S. (1996), *Using multivariate statistics (3rd ed.)*, New York.
12. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb. Thống Kê, TP. HCM.
13. Nguyễn Đình Thọ (2013), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh – tái bản lần 2*, Nxb. Tài chính, Hà Nội.
14. Valter, S. F. , Valter, A.V. (2018), two – way and three – way moderating effects in regression analysis and interactive plots, *Rev. Adm. UFSM, Santa Maria*, 11(4), 961–979.